

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN VÀ VÌ NHÂN DÂN

TÔ HUY RÚA *

TƯ tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là một hệ thống các quan điểm lý luận về bản chất, chức năng, cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước; trong đó, quan niệm về nhà nước pháp quyền là một tư tưởng nhất quán, thể hiện tầm nhìn vượt thời đại và có giá trị lâu bền. Trong di sản lý luận của mình, Hồ Chí Minh đã có lần chính thức sử dụng thuật ngữ "chế độ pháp trị". Tiếp xúc với nền văn minh Âu - Mỹ, nhất là kinh nghiệm tổ chức, điều hành đời sống xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, quản lý xã hội bằng pháp luật là dân chủ, tiên bộ và có tính chất phổ biến đối với các xã hội hiện đại.

Nhận thức được tầm quan trọng của luật pháp, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã đề cập đến vai trò của chúng trong điều hành và quản lý xã hội. Năm 1919, tám yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Véc- xây đã có 4 điểm liên quan đến vấn đề pháp quyền, còn lại liên quan đến công lý và quyền con người.

Sau này, bản Yêu sách của nhân dân An Nam được Hồ Chí Minh chuyển thành "Việt Nam yêu cầu ca", trong đó yêu cầu thứ bảy là:

"Bây xin hiến pháp ban hành,

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền"⁽¹⁾

"Trăm điều" là một đại lượng được sử dụng theo cách ẩn dụ để đề cập một cái chung, bao quát. Còn "thần linh pháp quyền" là một cách nói theo ngôn ngữ ngày nay, là ý thức, tinh thần pháp luật phải chi phối, chỉ đạo mọi hành vi, hoạt động của bộ máy, cơ quan nhà nước; môi trường pháp lý phải bao trùm mọi mặt, mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Đây là tư tưởng rất đặc sắc của Hồ Chí Minh, phản ánh nội dung cốt lõi của Nhà nước dân chủ mới - Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Đồng thời, đây cũng là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động quản lý nhà nước của Người.

Sau Cách mạng Tháng Tám, năm 1945, Hồ Chí Minh đề ra một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là: Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Cùng với chủ trương xây dựng Hiến pháp, ngày 10-10-1945, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh SL/47 cho phép sử dụng một số điều

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 438

khoản của pháp luật cũ để điều chỉnh các quan hệ dân sự. Trong nhận thức của Hồ Chí Minh, pháp luật của các chế độ xã hội có những giá trị nhân bản chung mà chúng ta có thể kế thừa, phát triển. Ở đây, Hồ Chí Minh đã nhìn nhận pháp luật trong chiều sâu văn hóa của nó.

Sau năm 1954, khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đất nước đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhiều quy định trong Hiến pháp năm 1946 không còn phù hợp, Hồ Chí Minh đã chủ trương sửa đổi và ban hành Hiến pháp mới - Hiến pháp năm 1959. Trong tư duy Hồ Chí Minh, một khi điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi thì pháp luật, nhất là đạo luật "gốc" - Hiến pháp, cũng phải thay đổi để bảo đảm khả năng điều chỉnh hợp lý các quan hệ xã hội đã phát sinh và định hình.

Ngoài hai bản Hiến pháp, từ năm 1945 đến 1969, Hồ Chí Minh còn chỉ đạo soạn thảo, ký quyết định công bố 16 đạo luật và 1.300 văn bản dưới luật. Khối lượng văn bản luật đó luôn thể hiện rõ việc đề cao tính nhân đạo và nhân văn, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp của nhà nước mà nhân dân là chủ và do nhân dân làm chủ.

Hồ Chí Minh luôn khẳng định: Pháp luật của ta là pháp luật dân chủ, phải nghiêm minh và phát huy hiệu lực thực tế. Nhà nước ta cũng sử dụng pháp luật để quản lý xã hội. Song pháp luật của ta đã có sự thay đổi về chất, mang bản chất của giai cấp công nhân, là một loại hình pháp luật kiểu mới, pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Tuy nhiên, pháp luật dân chủ ở Hồ Chí Minh cũng được xem xét trong các mối quan hệ hết sức đặc trưng:

- Trong quan niệm về thực chất của dân chủ: "Không nên hiểu lầm dân chủ. Khi chưa quyết định thì tha hồ bàn cãi. Nhưng khi đã

quyết định rồi thì không được bàn cãi nữa, có bàn cãi cũng chỉ là để bàn cách thi hành cho được, cho nhanh, không phải để đề nghị không thực hiện. Phải cấm chỉ những hành động tự do quá trớn ấy" (2).

- Trong việc xác định rõ giới hạn của các quyền tự do cá nhân, Người nói: Nhân dân ta hiện nay có tự do, tự do trong kỷ luật. Mỗi người có tự do của mình, nhưng phải tôn trọng tự do của người khác. Người nào sử dụng quyền tự do của mình quá mức là phạm đến tự do của người khác, là phạm pháp. Không thể có tự do cho bọn việt gian, bọn phản động, bọn phá hoại tự do của nhân dân.

- Trong việc xử lý mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ công dân, pháp luật dân chủ vừa thể hiện các quyền, lợi ích của công dân, nhưng cũng quy định rõ các nghĩa vụ mà người dân phải thực hiện. Hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ là thuộc tính hai mặt của một người dân làm chủ nhà nước.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Pháp luật của ta là pháp luật dân chủ; mọi công dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đều bình đẳng trước pháp luật cả về quyền lợi và nghĩa vụ; ai vi phạm pháp luật đều phải xử lý nghiêm khắc, cho dù người đó ở vị trí nào trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước. Theo Người, hiệu lực của pháp luật chỉ có được khi mọi người đều nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; pháp chế chỉ bảo đảm khi các quy phạm pháp luật được thực thi trong các quan hệ xã hội; mọi hành vi vi phạm pháp luật phải bị xử lý. Như vậy, trong thực thi luật pháp, việc thưởng phạt phải nghiêm minh. Vì nếu thưởng phạt không nghiêm minh thì người cúc cung tận tụy lâu ngày cũng thấy chán nản, còn người hư hỏng, vi phạm pháp luật, kỷ luật sẽ ngày càng lún sâu vào tội lỗi, làm thiệt hại

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 108

cho nhân dân. Trong một nước, thường phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công.

Muốn pháp luật nghiêm minh, phát huy hiệu lực, cần có các điều kiện:

Thứ nhất, pháp luật đó phải đúng và phải đủ. Pháp luật đúng là pháp luật phản ánh trung thành bản chất các quan hệ xã hội khách quan, tiếp cận đến chân lý, mà chân lý là tất cả những gì phù hợp với lợi ích của nhân dân. Còn pháp luật đủ là phải có tính đồng bộ, bao quát được các mặt, các loại quan hệ, các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ hai, pháp luật phải đến được với dân, "đi vào giữa dân gian". Để pháp luật được thực thi trong đời sống xã hội phải chú trọng giáo dục, tuyên truyền pháp luật cho mọi đối tượng dân cư, làm cho họ biết, hiểu và thực hiện đúng. Trong điều kiện dân trí còn thấp, học vấn hạn chế, văn hóa dân chủ chưa cao, việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật càng trở nên cần thiết.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, tuyên truyền, giáo dục pháp luật là một "công đoạn" trong toàn bộ quy trình xây dựng - thông qua, ban hành - thực hiện, giám sát- sửa đổi, điều chỉnh pháp luật. Tại Hội nghị thảo luận Luật Hôn nhân và Gia đình, vấn đề này đã được Hồ Chí Minh chỉ rõ: "công bố đạo luật này chưa phải đã là mọi việc đều xong, mà còn phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện được tốt"⁽³⁾. Muốn dân hiểu, dân nhớ để làm theo, trong tuyên truyền phải biết cách diễn đạt đơn giản, ngắn gọn, nhưng tuyệt đối chính xác, phù hợp với đặc điểm tâm lý, tính cách, văn hóa của các đối tượng dân cư từng khu vực, từng miền trên đất nước.

Thứ ba, cán bộ trực tiếp thực thi luật pháp phải thật sự công tâm và nghiêm minh. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên có

nhiệm vụ " gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của các đoàn thể cách mạng của quần chúng mà mình tham gia". Người nhiều lần phê phán những cán bộ, đảng viên không chấp hành pháp luật của Nhà nước, cá nhân chủ nghĩa sinh ra tự do chủ nghĩa, không tôn trọng pháp luật và thể lệ nhà nước, làm gương xấu cho quần chúng nhân dân.

Trong việc giữ vững tính nghiêm minh và hiệu lực của pháp luật, cán bộ làm công tác tư pháp có vai trò quan trọng. Họ chính là người trực tiếp thực thi luật pháp, đại diện cụ thể cho "cán cân công lý". Vì thế, Hồ Chí Minh yêu cầu ở họ phải có phẩm chất đạo đức cần thiết: Trong công tác xử án phải công bằng, liêm khiết, trong sạch như thế cũng chưa đủ vì không thể chỉ hạn chế hoạt động của mình trong khung tòa án mà còn phải gần dân, giúp dân, học dân, hiểu dân để giúp mình thêm liêm khiết, thêm công bằng, trong sạch.

Đối với những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm pháp luật hoặc xử lý không đúng, không nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Có cán bộ, đảng viên lợi dụng quyền thế của Đảng và Nhà nước làm những việc trái với chính sách và pháp luật, xâm phạm đến lợi ích vật chất và quyền tự do dân chủ của nhân dân, nhưng cũng chưa bị xử lý kịp thời..., như vậy là kỷ luật chưa nghiêm. Người yêu cầu kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền lợi của công dân, làm cho nhân dân bất bình, oan ức.

Với Hồ Chí Minh, pháp luật không phải là để trừng trị con người mà là công cụ bảo vệ, thực hiện lợi ích của con người. Tư tưởng pháp quyền của Người không chỉ dừng lại ở các quyền con người được ghi trong các văn

(3) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 9, tr 267

bản pháp luật mà còn thấm đượm một tấm lòng thương yêu nhân dân, chăm lo cho ấm no, hạnh phúc của nhân dân, thấm đượm lòng nhân ái, nghĩa đồng bào theo đạo lý truyền thống ngàn năm của dân tộc Việt Nam. Vì thế, *pháp quyền Hồ Chí Minh là pháp quyền đặc biệt, pháp quyền nhân nghĩa* - một thứ nhân nghĩa có nội hàm triết lý, mang đậm tính dân tộc và dân chủ sâu sắc.

Trên thế giới, từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây tồn tại hai phương thức trị nước chủ yếu: đức trị và pháp trị. Bản thân Hồ Chí Minh cũng đã có lần đề cập đến chế độ pháp trị: ... Tư pháp cần góp phần của mình là *thực hiện chế độ pháp trị*, giữ vững và bảo vệ quyền lợi nhân dân, bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân. Nhưng trong thực tế, Người đã kết hợp chặt chẽ việc quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật với việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh công dân, giác ngộ lý tưởng cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh nhận rõ cả pháp luật và đạo đức đều dùng để điều chỉnh hành vi của con người, nâng con người lên, hướng con người tới *chân, thiện, mỹ*. Pháp luật góp phần hoàn thiện nhân cách làm người, còn đạo đức làm cho người ta thực hiện luật pháp một cách tự giác. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, đạo đức là cơ sở để xây dựng, thực hiện pháp luật. Nền pháp quyền của ta là một nền pháp quyền hợp đạo đức, có nhân tính. Hồ Chí Minh lý giải: nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp, cũng như mọi vấn đề khác, trong lúc này là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức. Phải làm sao đóng góp vào việc làm cho nước độc lập, dân được tự do, hạnh phúc, nhân loại khỏi đau khổ.

Sự thống nhất giữa đạo đức và pháp luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở quan niệm xử lý các hành vi phạm pháp,

nguyên tắc "có lý", "có tình" chi phối mọi hành vi ứng xử của con người, tôn trọng cái lý, đề cao cái tình, tùy từng trường hợp, tình huống cụ thể mà Hồ Chí Minh nhấn mạnh mặt này hay mặt khác. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật phải kịp thời, nghiêm minh. Pháp luật không loại trừ một ai, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi cái xấu, cái ác, khuyến khích, nâng đỡ, phát huy cái tốt, cái thiện vốn có trong mỗi con người, chứ không đơn thuần trừng phạt, răn đe. Trong việc thực thi pháp luật cũng phải bảo đảm tính hài hòa giữa các mặt tưởng chừng như đối lập nhau. Phương châm của Hồ Chí Minh là: không xử phạt là không đúng; song, cái gì cũng trừng phạt cả cũng là không đúng, nên phải tránh lạm dụng pháp luật. Tính nghiêm minh và hiệu lực của luật pháp không chỉ phụ thuộc vào sự đúng đắn của pháp luật mà trong quan hệ thực tế còn phụ thuộc vào cả cái tâm của chính người đại diện cho pháp luật.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu các giá trị tư tưởng hiện đại của loài người, trước nhu cầu thực tiễn phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương lãnh đạo xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta. Quan điểm về nhà nước pháp quyền của Đảng là một bộ phận hợp thành tổng thể lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhận thức của Đảng về nhà nước pháp quyền là một quá trình. Trước những năm 90 của thế kỷ XX, trên bình diện lý luận, chúng ta chỉ dùng các khái niệm "Nhà nước chuyên chính vô sản", "Nhà nước xã hội chủ nghĩa". Đến năm 1994, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ khóa VII, khái niệm "nhà nước pháp quyền" đã được nêu lên. Từ đó, Đảng ta nhận thức rất rõ rằng, nhà nước pháp quyền là một thành tựu vĩ đại của tư tưởng nhân loại; xét về bản chất, không chỉ có

một loại nhà nước pháp quyền duy nhất; mà dựa trên cơ sở kinh tế - xã hội, bản chất chế độ xã hội khác nhau, vẫn tồn tại Nhà nước pháp quyền tư bản chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức này ngày càng thống nhất trong toàn Đảng và được khẳng định rõ tại Đại hội IX của Đảng (4-2001): Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là *Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân*. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Quan điểm này đã được thể hiện trong việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 và cụ thể hóa trong Điều 2: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Trong Dự thảo Đề cương các Văn kiện trình Đại hội X của Đảng, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được khẳng định thành một vấn đề có tính nguyên tắc với các nội dung: nghiên cứu, thể chế hóa và xây dựng cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc

thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp, đồng thời định rõ cơ chế, cách thức bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và luật trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực hiện nguyên tắc này, trên thực tế là tiếp tục quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền trong những điều kiện và yêu cầu phát triển mới của đất nước. Cụ thể là:

- Cần phải nhận thức đúng đắn vai trò của pháp luật trong nhà nước pháp quyền, bảo đảm để pháp luật trở thành phương tiện cho người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật.

- Xây dựng đồng bộ và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đáp ứng tốt và kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan làm luật, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp đủ phẩm chất và năng lực.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân, coi trọng tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích, hỗ trợ tư vấn pháp luật, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa; giáo dục pháp luật phải gắn liền với giáo dục đạo đức cách mạng.

- Pháp luật phải được thực thi nghiêm chỉnh từ cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước đến các tổ chức xã hội và công dân; mọi hành động vi phạm pháp luật phải được xử lý đúng, kịp thời, không để sót người, sót tội, không gây oan ức cho người vô tội...

- Tăng cường vai trò và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền, nhất là nâng cao tầm trí tuệ và tư duy lý luận của Đảng trong chỉ đạo định hướng xây dựng hệ thống pháp luật. □